

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1160/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 của các chương trình mục tiêu quốc gia (đợt 1) cho các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung bởi các Luật số 90/2025/QH15 và Luật số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 (đợt 1) và ngân sách trung ương năm 2026 (đợt 2) của các chương trình mục tiêu quốc gia;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại Tờ trình số 408/TTr-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2026.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 của các chương trình mục tiêu quốc gia (đợt 1) cho các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố như sau:

1. Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 của Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 cho Bộ Công an, Bộ Quốc phòng tại Phụ lục kèm theo.

2. Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030 cho 05 bộ, cơ quan trung ương và 27 tỉnh, thành phố tại Phụ lục kèm theo.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 được giao tại Điều 1 Quyết định này:

a) Tổ chức thực hiện lập, phê duyệt, giao kế hoạch từng chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; bố trí đủ vốn ngân sách địa phương thực hiện từng chương trình theo quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia;

b) Chủ động tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan; lựa chọn danh mục nhiệm vụ, dự án đầu tư công và phân bổ vốn bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật đầu tư công, đúng chủ trương đầu tư từng chương trình và phải trên cơ sở đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội theo Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số", Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gắn với hạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư; đẩy nhanh tiến độ xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030;

c) Báo cáo kết quả phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 chi tiết đến nội dung, dự án thành phần và danh mục dự án đầu tư công trên Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Quyết định số 25/2025/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu và chế độ báo cáo trực tuyến trên Hệ thống trong giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan chủ dự án thành phần hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố tổ chức thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm đúng chủ trương tại các Nghị quyết số 163/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 và Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035 và các quy định có liên quan.

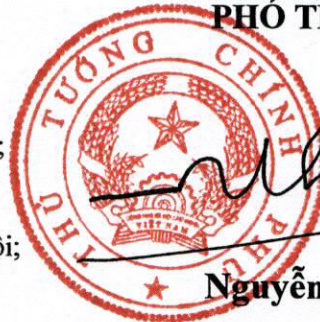
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Bộ trưởng các Bộ: Tài chính, Công an, Nông nghiệp và Môi trường và các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố được giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 của các chương trình mục tiêu quốc gia theo Điều 1 Quyết định này và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ nêu tại Điều 1;
- HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH các tỉnh, thành phố nêu tại Điều 1;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Kiểm toán nhà nước;
- Bộ Tài chính;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục: TH, QHĐP, KGVX, QHQT, CTTCP;
- Lưu: VT, KTTH (2)<sub>40</sub>

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Nguyễn Văn Thắng**



**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**

*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg  
ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục các chương trình	Kế hoạch 2026 - 2030
	<b>Tổng số</b>	<b>9.114.400</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030	1.655.000
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	7.459.400

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg*  
*ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục các chương trình	Kế hoạch 2026 - 2030
	<b>Tổng số</b>	<b>8.694.900</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030	8.172.000
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	522.900

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg*  
*ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	2.778.222



**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg*  
*ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	90.000

*Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*

**Phụ lục**

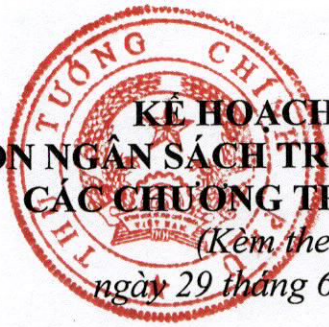
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN  
VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA  
CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**

*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg  
ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*



*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	823.343



**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg*  
*ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	4.333.520

Tỉnh Cao Bằng



**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**

*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg  
ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	2.150.970



**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**

*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg  
ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	1.868.900

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg*  
*ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	2.862.180



**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg*  
*ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	3.332.030



**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**  
*(Kèm theo Quyết định số 160/QĐ-TTg*  
*ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	2.442.730

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg*  
*ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*



Đơn vị: Triệu đồng

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	2.600.520

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg*  
*ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	1.327.340

Phụ lục  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg*  
*ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*



Đơn vị: Triệu đồng

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	1.715.780

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg*  
*ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	1.384.680



**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**

*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg  
ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	1.325.400



**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**

*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg  
ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	1.650.330

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**

*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg  
ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*



Đơn vị: Triệu đồng

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	3.561.760

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg*  
*ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	3.117.110

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg*  
*ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	1.148.680

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg*  
*ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*



Đơn vị: Triệu đồng

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	1.929.100

Thành phố Huế

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg*  
*ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	486.935

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg*  
*ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	2.500.300

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg*  
*ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	1.224.500

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg*  
*ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*



Đơn vị: Triệu đồng

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	3.060.110

Tỉnh Đắk Lắk

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**

*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg  
ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	2.532.000

Tỉnh Lâm Đồng

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg*  
*ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	2.438.170

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg*  
*ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	2.648.520

Thành phố Cần Thơ

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**

*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg  
ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	1.655.470

Tỉnh Đồng Tháp

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg*  
*ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	1.439.410

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg*  
*ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	1.975.270

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (ĐỢT 1)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg*  
*ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

<b>Danh mục các chương trình</b>	<b>Kế hoạch 2026 - 2030</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	1.614.420